

Số: 04/2015/TT-BCA

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2015

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH MẪU GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Căn cứ Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17/11/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định, hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan, tổ chức và cá nhân mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam

1. Tờ khai đề nghị cấp thị thực Việt Nam (NA1).
2. Công văn đề nghị xét duyệt, kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NA2).
3. Đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh (NA3),
4. Phiếu yêu cầu điện báo (NA4).
5. Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (NA5).
6. Công văn đề nghị cấp thẻ tạm trú (NA6).
7. Đơn bảo lãnh cấp thẻ tạm trú (NA7).
8. Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài (NA8).
9. Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy miễn thị thực (NA9).
10. Danh sách người đề nghị cấp giấy miễn thị thực (NA10).
11. Giấy bảo lãnh cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (NA11).
12. Đơn xin thường trú (NA12).
13. Tờ khai cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú (NA13).
14. Công văn đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA14).
15. Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA15).
16. Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức (NA16).
17. Phiếu khai báo tạm trú của người nước ngoài (NA17).
18. Danh sách người nước ngoài khai báo tạm trú (NA18).

Điều 3. Mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh

1. Công văn trả lời đề nghị xét duyệt nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB1).
2. Công văn trả lời đề nghị kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB2).
3. Công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế (NB3).
4. Bản FAX thông báo cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho khách (NB4).
5. Công văn trả lời nhân sự người đề nghị cấp giấy miễn thị thực (NB5).
6. Giấy báo tin về việc người nước ngoài xin thường trú (NB6).
7. Giấy biên nhận hồ sơ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (NB7).

Điều 4. Mẫu giấy tờ cấp cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú Việt Nam

1. Thị thực dán (NC1).
2. Thị thực rời (NC2).
3. Thẻ tạm trú loại dán (NC3A).
4. Thẻ tạm trú loại rời (NC3B, NC3C).
5. Giấy miễn thị thực loại dán (NC4).
6. Giấy miễn thị thực loại rời (NC5).
7. Dấu kiểm chứng nhập cảnh, xuất cảnh (NC6).
8. Dấu chứng nhận tạm trú (NC7).
9. Dấu gia hạn tạm trú (NC8).
10. Thẻ thường trú (NC9).
11. Giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NC10).
12. Biên bản tạm hoãn xuất cảnh/buộc xuất cảnh/chưa cho nhập cảnh (NC11).
13. Quyết định buộc xuất cảnh (NC12).

Điều 5. In, sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ

1. Đối với ấn phẩm trắng (thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực):
 - a. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị nghiên cứu, sản xuất tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ của Tổng cục Hậu cần, kỹ thuật Bộ Công an để sản xuất ấn phẩm trắng cung ứng kịp thời yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực.
 - b. Các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực phải quản lý ấn phẩm trắng theo chế độ mật; cấp đúng quy định, đúng đối tượng.
 - c. Trước ngày 15/11 hàng năm, các cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy miễn thị thực phải dự trù và đăng ký với Cục Quản lý xuất nhập cảnh số lượng ấn phẩm trắng cần sử dụng cho năm tiếp theo. Cách đăng ký như sau: các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan của Bộ Ngoại giao đăng ký qua Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao; các đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế thuộc Bộ Quốc phòng quản lý đăng ký qua Cục Cửa khẩu, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng; Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký trực tiếp với Cục Quản lý xuất nhập cảnh.
2. Đối với các mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh nêu tại Điều 3 của Thông tư này khi sử dụng phải in trên khổ giấy A4 và không được thay đổi nội dung của mẫu.
3. Đối với các mẫu giấy tờ dùng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 2 Thông tư

này, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể truy cập, in sử dụng các mẫu giấy tờ trên mạng thông tin điện tử của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài. Khi sử dụng mẫu, không được thêm, bớt và phải điền đầy đủ các nội dung được quy định trong mẫu.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2015.

Thông tư này thay thế: Điều 1 Thông tư số 01/2012/TTLT/BCA-BNG ngày 03/01/2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 04/2002/TTLT ngày 29/01/2012 và Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT/BCA-BNG ngày 12/05/2009 của Bộ Công an - Bộ Ngoại giao trong lĩnh vực xuất nhập cảnh; Điều 2 Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 05/01/2013 về việc ban hành, hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến công tác quản lý xuất nhập cảnh; Thông tư số 25/2013/TT-BCA ngày 12/06/2014 sửa đổi, bổ sung Điều 2 của Thông tư số 02/2012/TT-BCA ngày 05/01/2013 về việc ban hành hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại mẫu giấy tờ liên quan đến công tác quản lý xuất nhập cảnh.

2. Giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực còn thời hạn được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hạn ghi trong giấy tờ đó.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục An ninh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương và các đơn vị khác có liên quan tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Tổng cục An ninh) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Công thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, A61 /A72. (M. 150b)

Đại tướng Trần Đại Quang

**Anh - photo
4x6 cm
See notes
(2)**

Ban hành kèm theo thông tư số
04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01
năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)

VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM
(Dùng cho người nước ngoài - For foreigners)

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)

VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM
(Dùng cho người nước ngoài - For foreigners)

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (*in Capital letters*)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

3- Sinh ngày tháng
năm.....

Sex *Male* *Female*

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:

Place of birth

5- Quốc tịch gốc:..... 6- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality:

7- Tôn giáo:..... 8- Nghề nghiệp:.....

Religion

Occupation

9- Nơi làm việc:

Employer and business address

10- Địa chỉ thường trú:

Permanent residential address

..... Số điện thoại/Email:.....

Telephone/Email:

11- Thân nhân *Family members:*

[illegible]

12- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:.....loại (4):.....

Passport or International Travel Document number *Type*

Cơ quan Cấp:có giá trị đến ngày:...../...../.....

Issuing authority: *Expiry date (Day, Month, Year)*

13- Ngày nhập cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có):.....

Date of the previous entry into Viet Nam (if any)

14- Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày:...../...../.....; tạm trú ở Việt Nam.....ngày

Intended date of entry (Day, Month, Year) *Intended length of stay in Viet Nam* *days*

15- Mục đích nhập cảnh:

Purpose of entry

16- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:

Intended temporary residential address in Viet Nam

17- Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh

Hosting organisation/Individual in Viet Nam

Cơ quan, tổ chức:

Name of hosting organisation

Địa chỉ:

Address

Cá nhân (họ tên)

Hosting individual (full name)

Địa chỉ

Address

Quan hệ với bản thân

Relationship to the applicant

18- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (nếu có):

Accompanying child(ren) under 14 years old included in your passport (if any)

Ảnh - photo 4x6 cm (under 14 years old) See notes (2)	Ảnh - photo 4x6 cm (under 14 years old) See notes (2)
--	--

Số TT <i>No</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in Capital letters)</i>	Giới tính <i>(Sex)</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>

19- Đề nghị cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐

Applying for a Visa *Single* *Multiple*

từ ngày:/...../.....đến ngày...../...../.....

valid from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

20- Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):

Other requests (if any)

.....
Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:.....ngày.....tháng....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant 's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế nơi nhận thị thực.

Submit person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission abroad or at the international border checkpoint immigration office where the Visa is issued.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 2 recently taken photos in 4x6 cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses (one on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột (nếu có).

State clearly the information about parents, spouse, children and siblings (if any).

(4) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic or specify name of the International Travel Document.

Mẫu (Form) NA2

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

.....(1)

.....ngày,tháng..... năm...

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

V/v nhập cảnh của
khách nước ngoài

Kính gửi : CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH (BỘ CÔNG AN)

..... (1) đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét việc nhập cảnh của
người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch		Số, loại hộ chiếu	Chức vụ hoặc nghề nghiệp
				Gốc	Hiện nay		

Được nhập cảnh Việt Namlần, từ ngày / / đến ngày / /

Với mục đích:.....

Chương trình hoạt động tại các địa phương:

.....

.....

Dự kiến địa chỉ tạm trú tại:

.....

Cơ quan, tổ chức đón tiếp, quản lý:

Đề nghị Cục Quản lý XNC: (2)

- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tại nước để cấp thị thực.

- Giải quyết cho khách nhận thị thực tại cửa khẩu..... lý do

.....

- Đề nghị khác (3)

Nơi nhận:

Thủ trưởng cơ quan/ tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi tên cơ quan, tổ chức.

(2) Mục nào không ghi thì gạch chéo (/) ở phần chừa trống.

(3) Trường hợp khách thuộc diện miễn thị thực theo quy định, thì mục này ghi "khách được miễn

thị thực nhập cảnh Việt Nam".

Mẫu (Form) NA3

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

ĐƠN BẢO LÃNH CHO THÂN NHÂN LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH VIỆT NAM (1)

SPONSORING APPLICATION FORM FOR FOREIGN FAMILY MEMBERS

TO ENTER VIET NAM

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an

To: Immigration Department - Ministry of Public Security

I- Người bảo lãnh (*The sponsor*):

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex Male Female

3- Sinh ngày tháng
năm.....

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Quốc tịch gốc:5- Quốc tịch hiện nay:

Nationality at birth

Current nationality

6- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số (2):..

Identity card/Passport/Permanent or Temporary Resident Card number

Ngày cấp: / /

Issuing date (Day, Month, Year)

Cơ quan cấp:

Issuing authority

7- Nghề nghiệp:.....

Occupation

8- Nơi làm việc (nếu có)

Employer and business address (if any)

9- Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam (3):

Permanent/temporary residential address in Viet Nam

10- Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

II/- Người nước ngoài được bảo lãnh *The sponsored:*

Số TT	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in Capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day,Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>		Hộ chiếu số <i>Passport number</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Quan hệ (4) <i>Relationship</i>
				Gốc <i>At birth</i>	Hiện nay <i>Current</i>			

III- Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh *Request the Immigration Department:*

1- Giải quyết cho những người có tên ở Mục II được nhập cảnh Việt Nam

một lần ☐ nhiều lần ☐ từ ngày:/..../.... đến ngày:/..../....

To grant the people listed in Part II permission of a single entry ☐ or multiple entries ☐ into VietNam for an intended length of stay from (Day, Month, Year)/.../..... to/.../.../

2- Mục đích/ *Purpose of entry:*

3- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:

Intended temporary residential address in Viet Nam

4- Thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam tạinướcđể cấp thị thực.

To inform the Vietnamese Diplomatic Mission at..... in (country).....of the Visa issuance.

5- Cho nhận thị thực tại cửa khẩu, tên cửa khẩu:

.....

To grant permission to pick up Visa upon arrival atBorder Checkpoint.

Lý do

Reason (s)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Xác nhận *Certified by (5)*
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm
Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and full name

Ghi chú/Notes

(1) Dùng cho công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú/thẻ tạm trú tại Việt Nam mời, bảo lãnh thân nhân nhập cảnh; nộp trực tiếp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an.

This form is for Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent or Temporary Resident Card in sponsoring their foreign family members to apply for a Vietnamese Visa. Submit in person a completed application form at the Immigration Department - Ministry of Public Security.

(2) Kèm bản sao giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú;

Enclose a certified copy of the ID Card/ Passport or Permanent Temporary Resident Card

(3) Công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú ghi địa chỉ thường trú; người nước ngoài có thẻ tạm trú ghi địa chỉ tạm trú.

For Vietnamese citizens or the foreigners with Permanent Resident Card, specify the permanent residential address in Viet Nam; For Temporary Resident Card holders, specify the temporary residential address.

(4) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ theo quy định.

Enclose supporting documents to prove family relationship as stipulated by the Law.

(5) Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các điểm khai tại Mục I.

For Vietnamese citizens and the foreigners with Permanent Resident Card, Part I is certified by the Chief of the Ward/Commune Public Security.

Trường hợp người nước ngoài có thẻ tạm trú thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh người đó xác nhận các điểm khai tại Mục I.

For the foreigners with Temporary Resident Card, part I is certified by the Head of sponsoring organisation.

Mẫu (Form) NA4
Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

...,ngày...tháng....năm...

PHIẾU YÊU CẦU ĐIỆN BÁO

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Đề nghị quý Cục điện báo tới cơ quan đại diện Việt Nam tại.....

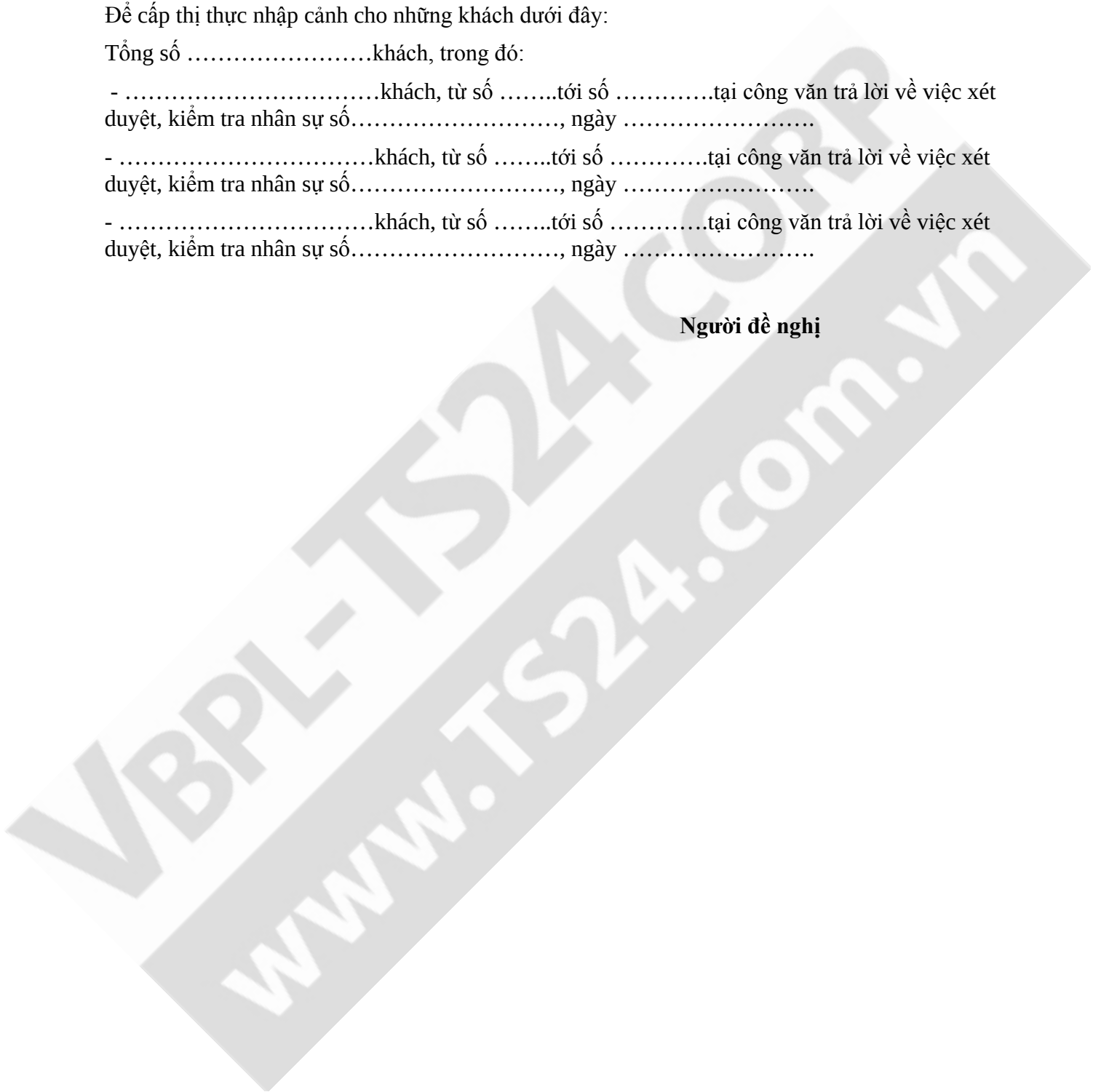
.....

Đề cấp thị thực nhập cảnh cho những khách dưới đây:

Tổng sốkhách, trong đó:

-khách, từ sốtới sốtại công văn trả lời về việc xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày
-khách, từ sốtới sốtại công văn trả lời về việc xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày
-khách, từ sốtới sốtại công văn trả lời về việc xét duyệt, kiểm tra nhân sự số....., ngày

Người đề nghị



TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC, GIA HẠN TẠM TRÚ (1)
APPLICATION FORM FOR VISA ISSUANCE, STAY EXTENSION

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú ở Việt Nam

For temporary residence foreigners in Viet Nam

I- Người đề nghị *The applicant:*

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex Male Female

3- Sinh ngày tháng
năm.....

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Quốc tịch gốc: 5- Quốc tịch hiện nay:

Nationality at birth

Current nationality

6- Nghề nghiệp/chức vụ:.....

Occupation/position

7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:..... loại
(2):.....

Passport or International Travel Document number

Type

Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày :...../...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

8- Nhập cảnh Việt Nam ngày:/...../..... qua cửa khẩu:.....

Date of the latest entry into VietNam (Day, Month, Year) via entry port

Mục đích nhập
cảnh:.....

Purpose of entry

9- Được phép tạm trú đến ngày:...../...../.....

Permitted to remain until (Day, Month, Year)

- Địa chỉ tạm trú tại Việt
Nam:.....

Temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

II- Cơ quan/tổ chức hoặc thân nhân ở Việt Nam mời, bảo lãnh:

Hosting organisation/family relative in Viet Nam

1 - Tên cơ quan, tổ chức *Name of hosting organisation:*

.....

Địa chỉ *Address*

Điện thoại liên hệ/*Email Contact telephone number/Email*

2- Thân nhân bảo lãnh (Họ tên):

Hosting family relative (full name)

Sinh ngày.... tháng.... năm

Date of birth (Day, Month, Year)

Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu/thẻ thường trú/thẻ tạm trú số:

Identity Card/Passport/Permanent/ Temporary Resident Card Number

Cấp ngày:cơ quan cấp:

Issuing date

Issuing authority

Quan hệ với người đề nghị:(3)

Relationship to the applicant

Địa chỉ thường trú/tạm trú tại Việt Nam:

Permanent/temporary residential address in Viet Nam

Điện thoại liên hệ/*Email*:

Contact telephone number/Email

III- Nội dung đề nghị *Requests:*

1- Cấp thị thực: một lần ☐ nhiều lần ☐ có giá trị đến ngày: .../ .../.....

To issue a visa Singie Multiple Valid to (Day, Month, Year)

2- Gia hạn tạm trú đến ngày:/...../.....

To extend the duration of stay until (Day, Month, Year)

3- Lý do *Reason(s)*

.....

IV- Những điều cần trình bày thêm *Additional statements:*

.....

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Xác nhận (4) *Certified by*
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Người bảo lãnh
(Ký, ghi rõ họ tên)
The sponsor's signature and full name

Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)
The applicant's signature and full name

Ghi chú Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và 01 ảnh mới chụp cỡ 4x6cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document and One recently taken photo in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses at the Immigration Office.

(2) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic; or specify name of the International Travel Document.

(3) Kèm theo giấy tờ chứng minh quan hệ.

Enclose supporting documents to prove the family relationship

(4) Trường hợp do cơ quan, tổ chức mời, bảo lãnh, hoặc người nước ngoài có thẻ tạm trú mời, bảo lãnh thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức xác nhận.

Be cerified by the head of the organization if the sponsor is an organisation or a foreigner with Temporary Resident Card.

Trường hợp công dân Việt Nam, người nước ngoài có thẻ thường trú mời, bảo lãnh, thì Trưởng Công an phường, xã xác nhận các nội dung tại điểm 2 Mục II.

Be cerified by the Chief of the local Ward/Commune Public Security where the sponsor is residing permanently if the sponsor is a Vietnamese citizen or a foreigner with Permanent Resident Card.



Mẫu (Form) NA6

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

.....(1)

.....ngày,tháng.... năm...

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

*V/v Đề nghị cấp thẻ tạm trú
cho người nước ngoài*

Kính gửi:(2)

Đề nghị quý cơ quan xem xét cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài sau đây:

Số TT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Vị trí công việc

(Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú kèm theo)

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú NG3).

Mẫu (Form) NA7

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-

BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN BẢO LÃNH CẤP THẺ TẠM TRÚ

Kính gửi:.....(1)

I. Người bảo lãnh:

1- Họ tên:

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐ 3- Sinh ngàytháng.năm

4- Địa chỉ thường trú (theo sổ hộ khẩu):

- Địa chỉ tạm trú (nếu có)

- Điện thoại liên hệ/Email:

5- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu số

6- Nghề nghiệp:..... Nơi làm việc hiện nay:

II. Người được bảo lãnh:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh:

1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được cấp thẻ tạm trú theo tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú (kèm theo).

2- Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

Xác nhận (3)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Làm tạingàytháng

....năm.....

Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú.

(1) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, Thành phố nơi thường trú.

(2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh

(3) Trưởng/Công an phường, xã nơi người bảo lãnh thường trú xác nhận nội dung tại Mục I.

Ảnh -
photo
2x3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form)NA8

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TẠM TRÚ (1)
INFORMATION FORM FOR A TEMPORARY RESIDENT CARD

Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam
For temporary residence foreigners in Viet Nam

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới Nam ☐ Nữ ☐

tính:

3- Sinh ngày tháng năm.....

Sex Male Female

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Quốc tịch gốc:..... 5- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality:

6- Nghề nghiệp/chức vụ:.....

Occupation/ position

7- Hộ chiếu số Loại: Phổ thông ☐ Công vụ ☐ Ngoại giao ☐

Passport Number

Type Ordinary Official Diplomatic

Cơ quan cấp:

Có giá trị đến ngày .../.../ ...

Issuing authority

Expiry date (Day, Month, Year)

8- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam

Your residential and business address before coming to Viet Nam

- Địa chỉ cư trú *Residential address:*

- Nơi làm việc *Business address*

9- Nhập cảnh Việt Nam ngày: .../ .../ qua cửa khẩu:

Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port

Mục đích nhập cảnh: (3)

Purpose of entry

10- Được phép tạm trú đến ngày:...../...../.....

Permitted to remain until (Day, Month, Year)

- Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam:

Temporary residential address in Viet Nam

- Điện thoại liên hệ/Email:

Contact telephone number/Email

11. Nội dung đề nghị *Requests:*

- Cấp thẻ tạm trú có giá trị đến ngày .../... /....

To issue a Temporary Resident Card valid until (Day, Month, Year)

- Lý do Reason(s): (4)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant 's signature and full name

Ghi chú Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu và công văn bảo lãnh của cơ quan, tổ chức hoặc đơn bảo lãnh của thân nhân; nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan có thẩm quyền của Bộ Ngoại Giao (đối với người thuộc diện cấp thẻ tạm trú ký hiệu NG3).

Submit in person one completed application form enclosed with passport and the sponsoring application by the hosting organisation/family relative at the Immigration Office or at the competent authority of the Ministry of Foreign Affairs (for those who are eligible for the Temporary Resident Card categorised as NG3)

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai và 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently-taken photos in 2x3 cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ vào làm việc gì ở Việt Nam hoặc thăm người thân.

Specify business purpose in Vietnam or family visit purpose.

(4) Ghi rõ lý do: làm việc, lao động, đầu tư, học tập hoặc thăm người thân và kèm theo giấy tờ chứng minh

Specify the reasons whether it is business, labour, investment, study or family visit and enclose supporting documents.

Ảnh - photo
4x6 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form)NA9
Ban hành kèm theo thông tư số
04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01
năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY MIỄN THỊ THỰC (1)

**APPLICATION FORM FOR ISSUANCE/REISSUANCE
OF A VISA EXEMPTION CERTIFICATE**

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex Male Female

3- Sinh ngày tháng
năm.....

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:

Place of birth

5- Quốc tịch gốc:..... 6- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality:

7- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số

Passport or International Travel Document number

Cơ quan cấp:có giá trị đến ngày:/...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

8- Nghề nghiệp:.....

Occupation

9- Địa chỉ cư trú, nơi làm việc hiện nay ở nước ngoài:

Current residential, business address abroad:

..... Số điện thoại/Email:

Telephone/Email

10- Địa chỉ cư trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh định cư ở nước ngoài (nếu có)

Previous residential address in Viet Nam before residing abroad (if any)

.....

11- Địa chỉ liên hệ tại Việt Nam

Contact address in Viet Nam

..... Số điện thoại

Telephone

12- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh)

Accompanying minors (under 14 years old) included in the applicant 's passport (full name, sex, date of birth (Day, Month, Year)).

.....
.....
13- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được cấp giấy miễn thị thực (3)

Supporting documents to prove the eligibility for a Visa Exemption Certificate
.....
.....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant 's signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 1 bản, kèm hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the VietNameese Diplomatic Mission or at the Immigration Department.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời)

Enclose 02 recently taken photos in 4x6cm size, with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form and the other separate).

(3) Kèm bản sao một trong các giấy tờ. Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn, Hộ chiếu Việt Nam hết giá trị, Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam

Enclose one certified copy of one of the following documents: Birth Certificate, Marriage Certificate, expired Vietnamese Passport, ID Card, Family Registration Booklet or other documents as stipulated by the Vietnamese Law.

..... (1)
Số:
V/v cấp Giấy miễn thị thực

Mẫu (Form) NA10
Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng năm.....

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

.....(1)gửi danh sách đề nghị cấp giấy miễn thị thực cho(2)..... người sau:

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/ Giấy tờ đi lại quốc tế		Nghề nghiệp	Giấy tờ chứng minh (3)	Ghi chú (4)
					Số	Ngày hết hạn			

Đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh cho biết ý kiến./.

Thủ trưởng cơ quan đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- (2) Tổng số người;
- (3) - Đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, ghi tên giấy tờ chứng minh là người gốc Việt Nam
- Đối với người nước ngoài, ghi rõ tên giấy tờ chứng minh quan hệ với người Việt Nam.
- (4) Những vấn đề cần chú ý khác: cấp lại, cấp lần mấy....

Mẫu (Form)NA11

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BẢO LÃNH

CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THƯỜNG TRÚ TẠI VIỆT NAM (1)

I- Người bảo lãnh

1. Họ tên:
2. Giới tính: nam ☐ nữ ☐ 3- Sinh ngàytháng... năm...
4. Địa chỉ thường trú (ghi theo sổ hộ khẩu)
5. Giấy chứng minh nhân dân số:
cấp ngày:..... cơ quan cấp:
6. Nghề nghiệp: Nơi làm việc hiện nay:
.....

II. Người được bảo lãnh

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu số	Nghề nghiệp	Quan hệ (2)

III. Nội dung bảo lãnh

1- Bảo lãnh cho thân nhân nêu ở Mục II được thường trú tại địa chỉ:

.....

2-Đảm bảo về cuộc sống cho thân nhân sau khi được thường trú (3)

a. Về nhà ở:

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà ☐

Người được bảo lãnh tự mua ☐

b. Về nguồn sống thường xuyên:

Người bảo lãnh cung cấp tài chính để nuôi dưỡng ☐

Người được bảo lãnh tự túc ☐

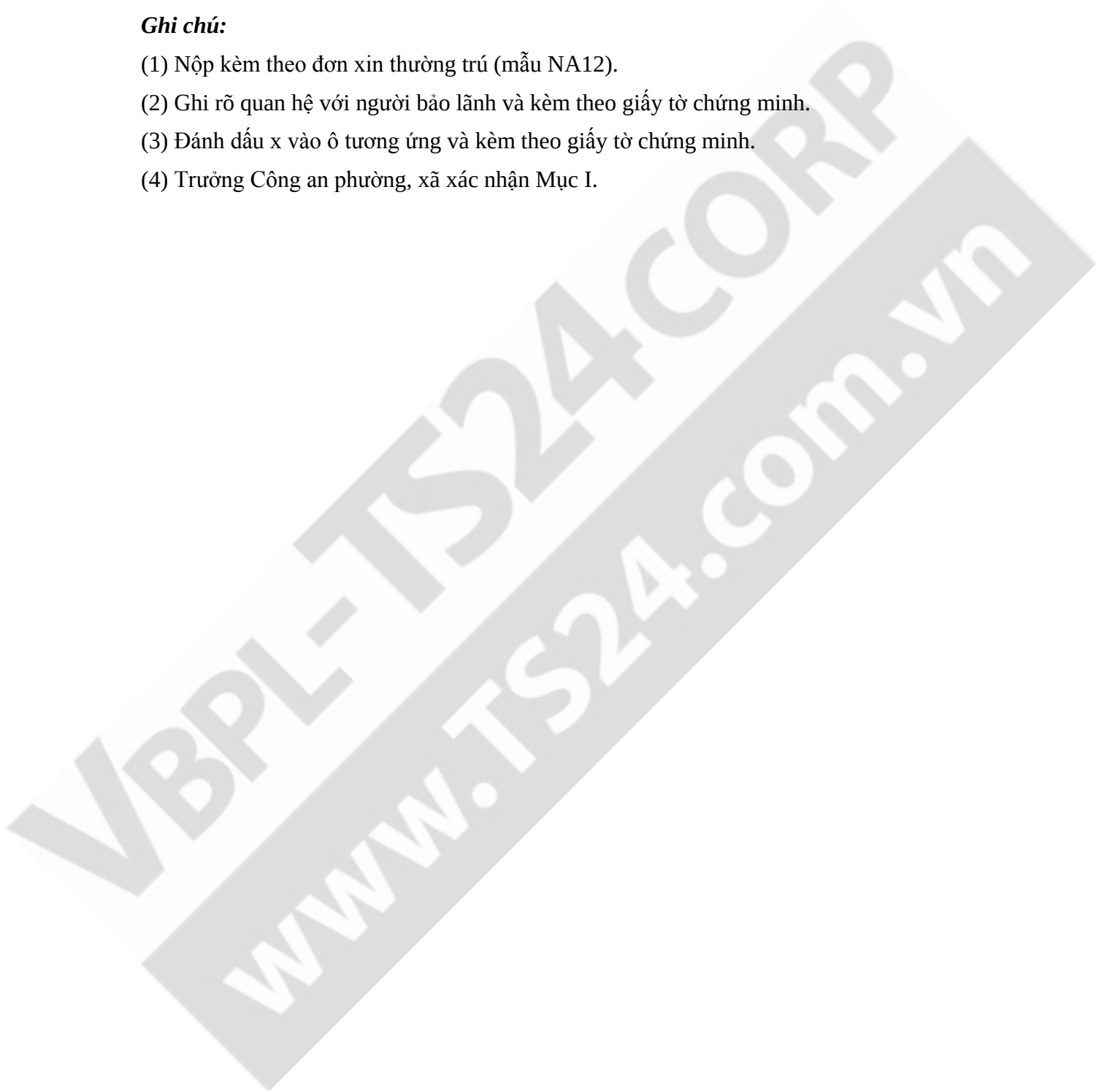
Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

**Xác nhận của Công an phường, xã nơi
người bảo lãnh thường trú (4)**
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ, đóng dấu)

Làm tại ...ngày ...tháng năm
Người bảo lãnh (ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Nộp kèm theo đơn xin thường trú (mẫu NA12).
- (2) Ghi rõ quan hệ với người bảo lãnh và kèm theo giấy tờ chứng minh.
- (3) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.
- (4) Trưởng Công an phường, xã xác nhận Mục I.



Ảnh - photo
2x3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form)NA12

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

ĐƠN XIN THƯỜNG TRÚ

APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENCE STATUS
(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)
(For temporary residence foreigners in Viet Nam)

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

Họ tên khác (nếu có)

Other names (if any)

2- Giới Nam ☐ Nữ ☐

tính:

3- Sinh ngày tháng

năm.....

Sex Male Female

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:

Place of birth

5- Quốc tịch gốc:..... 6- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality:

7- Dân tộc:..... 8- Tôn giáo:

Ethnic group

Religion

9- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số

Passport or international Travel Document number

10- Cơ quan cấp:..... có giá trị đến ngày:/...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

11- Địa chỉ cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam

Residential address, occupation and business address abroad before coming to Viet Nam

- Địa chỉ *Residential address*

- Nghề nghiệp *Occupation*

- Nơi làm việc *Business address*

12- Trình độ *Qualifications*

- Học vấn (bằng cấp, học vị)Tay nghề chuyên môn (ngành, bậc)

Academic qualifications

Professional skills (area, level)

- Trình độ tiếng Việt (nói, nghe, đọc, viết)

Vietnamese language skills (speaking, listening, reading, writing)

13- Nhập cảnh Việt Nam ngày: .../.../.... qua cửa khẩu:

Date of the latest entry into Viet Nam via entry port

- Mục đích nhập cảnh:..... Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....

Purpose of entry

Permitted to remain until (Day, Month, Year)

14- Địa chỉ tạm trú, nghề nghiệp, nơi làm việc tại Việt Nam

Temporary address, occupation, business address in Viet Nam

- Địa chỉ *Temporary residential address*

- Nghề nghiệp *Occupation*:

- Nơi làm việc *Business address*:

- Điện thoại liên hệ: Nhà riêngCơ quanDi động

Contact Telephone Home

Office

Mobile

15- Quá trình hoạt động của bản thân (tóm tắt từ lúc 18 tuổi đến nay, từng thời gian làm gì? ở đâu?)

Brief personal experience (from age 18 to date: what did you do? where did you stay?)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tham gia tổ chức chính trị, xã hội (tên tổ chức, ngày tham gia, chức vụ hoặc chức danh trong tổ chức):

Participation in any political parties or social organisations (name, participating date, position or title held)

.....

.....

.....

.....

.....

16- Thân nhân Family members

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

17- Khả năng bảo đảm cuộc sống nếu được phép thường trú tại Việt Nam (4)

Living costs affordability if permanent residency in Viet Nam is granted

a. Về chỗ ở

Your accommodation

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà ☐
Provided by/ shared with the sponsor

Người xin thường trú tự mua, thuê ☐
Owned /rent by the applicant

b. Khả năng tài chính

Financial Capability

- Nguồn tài chính *Finantial support*:

Người bảo lãnh cung cấp tài chính hoặc nuôi dưỡng ☐
Financially supported or brought up by the sponsor

Người xin thường trú tự túc ☐
Self-funded by the applicant

- Mức thu nhập hiện nay (tính theo đồng Việt Nam/tháng):

Current income (in Vietnamese Dong/per month)

18- Nội dung đề nghị *Requests*

- Xin thường trú tại địa chỉ:

Applying for permanent residency at the address

Số nhà:Đường/ phố/ thôn..... Phường/ xã

House number Street/Road/Village Ward/commune

quận/huyệnthành phố/ tỉnh.....

District

City/ Province

- Lý do xin thường trú (5)

Reason for permanent residence application

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại:.....ngày.....tháng....năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

The applicant's signature and full name

Ghi chú/ Notes

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi xin thường trú; trường hợp người có công lao, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, nhà khoa học, chuyên gia thì nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed form at the Immigration Office of province/ Central City Public Security where the applicant is applying for permanent residency. For the foreigners who have contribution to the Cause of Development and Protection of Viet Nam, or are scientists and specialists, submit at the Immigration Department.

(2) Kèm 03 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào đơn và ảnh để rời).

Enclose 03 recently taken photos in 2x3cm size, with white background, front view, bare head and without sunglasses (one photo on the form and the others separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(4) Đánh dấu x vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.

Mark X on the appropriate box and enclose supporting documents.

(5) Ghi rõ lý do xin thường trú, kèm theo giấy tờ chứng minh.

Specify reasons for permanent residency application and enclose supporting documents.

Ảnh - photo
2x3 cm
See notes
(2)

Mẫu (Form)NA13

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ THƯỜNG TRÚ (1)

**APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENT CARD
RENEWAL/ REISSUANCE**

(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)
(For permanent residence foreigners in Viet Nam)

1- Họ tên (chữ in hoa):

Full name (in Capital letters)

Họ tên khác (nếu có)

Other names (if any)

2- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sex

Male

Female

3- Sinh ngày tháng
năm

Date of birth (Day, Month, Year)

4- Nơi sinh:

Place of birth

5- Quốc tịch gốc:..... 6- Quốc tịch hiện nay:.....

Nationality at birth

Current nationality

7- Nghề nghiệp:

Occupation

8 - Nơi làm việc (tên cơ quan/ tổ chức)

Employer (Name of organisation)

Địa chỉ:

Business address

Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*

9- Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

Permanent residential address

Số nhà:Đường/ phố/ thônPhường/ xã

House number

Street/ road/village

Ward/ commune

quận/ huyệnthành phố/ tỉnh

District

City/ Province

Điện thoại liên hệ/Email *Contact telephone number/Email*

10- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:

Passport or International Travel Document number

Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:/...../.....

Issuing authority:

Expiry date (Day, Month, Year)

11 - Thẻ thường trú số:

Permanent resident card number

Cơ quan cấp:ngày cấp:.....

Issuing authority

Issuing date (Day, Month, Year)

12- Thân nhân *Family members*

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Nghề nghiệp <i>Occupation</i>	Chỗ ở hiện nay <i>Current residential address</i>

13- Nội dung đề nghị:

Requests:

+ Đổi thẻ thường trú ☐

To renew the Permanent Resident Card

+ Cấp lại thẻ thường trú ☐

To reissue the Permanent Resident Card

- Lý do (4)

Reason

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

**Xác nhận của Công an phường, xã nơi
người nước ngoài thường trú (5)**

*Certified by the Ward/Commune Public
Security
where the applicant is residing permanently*

Làm tại:.....ngày.....tháng....năm

Done at.....date (Day, Month, Year)

Người đề nghị (ký, ghi rõ họ tên)

*The applicant 's signature and full
name*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Signature, full name, title and stamp

Ghi chú/ Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thường trú.

Submit in person one completed form at the Immigration Office of Province / Central City Public Security where the applicant is residing permanently.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 02 recently taken photos in 2x3cm size with white background, front view, bare head without sunglasses (one photo on the form, the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(4) Ghi rõ lý do bị mất/ bị hỏng/ thay đổi nội dung ghi trong thẻ.

Specify the reason whether it is loss, damage, modification of details on the Card.

(5) Trưởng Công an phường, xã xác nhận các điểm khai ghi tại Mục 1, 2, 3, 9, 12

Points 1, 2, 3, 9, 12 are certified by the Chief of the Ward/ Commune Public Security

Mẫu (Form) NA14

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

.....(1)

.....ngày,tháng.... năm.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

Kính gửi:..... (2)

Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ

- Địa chỉ tạm trú/ thường trú tại Việt Nam:

.....

- Khách của cơ quan/ tổ chức:

.....

- Xin vào khu vực:

Thời gian: từ ngàyđến ngàysố lần.....

Mục đích:

- Người hướng dẫn:

Họ tên:chức vụ:

Giấy chứng minh nhân dân số:

cấp ngày cơ quan cấp

Nơi làm việc:

Thủ trưởng cơ quan/ tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:

.....

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức;

(2) Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.



Mẫu (Form) NA15

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm

ĐƠN XIN PHÉP CHO THÂN NHÂN VÀO KHU VỰC CẤM, KHU VỰC BIÊN
GIỚI (1)

Kính gửi:.....

- Tên tôi là (chữ in hoa):

- Giới tính: nam ☐ nữ ☐ Sinh ngày..... tháng.... năm..... Nghề nghiệp:.....

- Giấy chứng minh nhân dân số:

cấp ngày..... cơ quan cấp:

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam:

.....

Đề nghị cấp phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho..... người nước ngoài, cụ thể như sau:

Số TT	Họ tên (chữ in hoa)	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Hộ chiếu/thẻ tạm trú/ thẻ thường trú số	Nghề nghiệp, chức vụ

- Địa chỉ tạm trú/ thường trú tại Việt Nam:

.....

- Quan hệ với bản thân: (3)

- Xin vào khu vực:

Thời gian: từ ngàyđến ngày số lần

Mục đích:

Xác nhận của Trưởng Công an
phường, xã nơi người bảo lãnh thường
trú (4)

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Dùng cho công dân Việt Nam đang thường trú tại khu vực cấm, khu vực biên giới;
- (2) Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có khu vực cấm, khu vực biên giới.
- (3) Kèm bản sao giấy tờ chứng minh quan hệ (ông, bà, cha, mẹ của vợ hoặc chồng; vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người làm đơn).
- (4) Xác nhận nhân thân người bảo lãnh và địa chỉ thường trú của người bảo lãnh.



Mẫu (Form) NA16

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

.....(1)

.....ngày,tháng.... năm.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:

Số:.....

V/v: giới thiệu con dấu, chữ ký

Kính gửi:..... (2)

.....(3)..... được thành lập theo(4)..... cấp ngày .../.../...

Xin giới thiệu con dấu của(5)..... và chữ ký của người có thẩm quyền để làm các thủ tục liên quan đến việc bảo lãnh cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại quý cơ quan, cụ thể:

1- Mẫu con dấu:

--	--	--

2. Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà):

- Quốc tịch:CMND/Hộ chiếu số:

- Địa chỉ thường trú/tạm trú:

- Mẫu chữ ký:

--	--	--

Xin giới thiệu để quý cơ quan phối hợp công tác./.

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) (3) (5) Tên cơ quan/tổ chức.

(2) Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.

(4) Ghi rõ giấy phép hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập tổ chức và kèm theo bản sao có chứng thực.

Mẫu (Form) NA17

Ban hành kèm theo thông tư số 04/2015/TT-
BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015

Tên cơ sở lưu trú:.....

(1)

Địa

chỉ:.....

Điện thoại:

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày,tháng..... năm.....

PHIẾU KHAI BÁO TẠM TRÚ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:.....

STT	Họ Tên	Giới tính		Sinh ngày, tháng, năm	Quốc tịch	Loại, số hộ chiếu (2)	Loại, thời hạn, số, ngày cấp, cơ quan cấp thị thực (3)	Ngày, cửa khẩu nhập cảnh (4)	Mục đích nhập cảnh	Tạm trú (từ ngày đến ngày)
		Nam	Nữ							

Xác nhận
(của đơn vị tiếp nhận)

Đại diện cơ sở lưu trú
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Cơ sở lưu trú du lịch, nhà khách, khu nhà ở cho người nước ngoài làm việc, lao động, học tập, thực tập, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhà riêng, hoặc cơ sở lưu trú khác theo quy định của pháp luật.

(2): Ghi rõ số, loại hộ chiếu (phổ thông, công vụ...);

(3): Nếu nhập cảnh theo diện miễn thị thực thì ghi “Miễn thị thực”; nhập cảnh bằng giấy tờ khác thì ghi rõ theo thứ tự: loại giấy tờ (thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ ABTC), số, thời hạn, ngày cấp, cơ quan cấp.

(4): Ghi ngày, tháng, năm, cửa khẩu nhập cảnh lần gần nhất;